

Bản án số: 42/2021/HS-ST

Ngày: 17/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp – Chức vụ: Trưởng ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang

2. Ông Nguyễn Thiện Hoàn – Chức vụ: Phó Hiệu trưởng trường tiểu học C Q.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thiện Ngọc T, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Khóm 2, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Mua bán; Cha: Lê Hữu Đ, sinh năm: 1961; Mẹ: Nguyễn Thị Huệ T, sinh năm: 1967; Anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/10/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện A. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Ngọc Cu – Văn phòng Luật sư Nguyễn T thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang bào chữa cho bị cáo Lê Thiện Ngọc T.

Người bị hại:

1. Em Nguyễn Lý Mộng T, sinh ngày 06/7/2007; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho em Nguyễn Lý Mộng T: Ông Nguyễn Văn C (cha ruột em T), sinh năm: 1982; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

2. Em Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 30/9/2007; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt)

Đại diện hợp pháp cho em Lê Thị Ngọc M: ông Lê Văn T (ông nội của M), sinh năm: 1969; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Em Phan Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 24/8/2007; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho em Phan Nguyễn Tuấn K: Ông Phan Văn H (cha ruột em K), sinh năm: 1973; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Hữu Đ (cha ruột của em Mỹ), sinh năm: 1961; nơi cư trú: Số 58/18 đường T, tổ 9, khóm 2, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Em Lê Thiện Ngọc M, sinh ngày 24/4/2007; nơi cư trú: Số 58/18 đường T, tổ 9, khóm 2, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3. Em Lê Ngọc N, sinh ngày 12/8/2010; nơi cư trú: Số 58/18 đường T, tổ 9, khóm 2, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho em Lê Thiện Ngọc M và Lê Ngọc Như Y: Ông Lê Hữu Đ (ông Đ là cha ruột của em M, ông Đ là ông nội ruột của em Y), sinh năm: 1961; nơi cư trú: Số 58/18 đường T, tổ 9, khóm 2, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

4. Em Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 13/8/2008; nơi cư trú: Khóm 2, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho em Huỳnh Tiến Đ: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Khóm 2, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Ông Thái Văn T, sinh năm: 1982. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 28/10/2020, Lê Thiện Ngọc T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67E1-287.65 đến Trường tiểu học Nguyễn Đình C (phường C, thành phố C) rủ và chở Lê Thiện Ngọc M và Lê Ngọc Như Y đến xã Đ, huyện A tìm học sinh đi học về để cặp sơ hờ thì giật cặp chiếm đoạt. Khi đến ấp Phước Q, xã Đ phát hiện em Nguyễn Lý Mộng T đang điều khiển xe đạp cùng chiều phía trước, trên bội xe em T có 01 cặp da màu nâu, bên trong cặp chứa 07 cuốn tập, 04 cuốn sách giáo khoa lớp 8, 01 cái ví đựng viết, 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio loại fx-570ES Plus, 01 hộp bút chì màu, 01 cây bút chì, 02 cây compa, 01 cây bấm ghim giấy, 01 cục gôm bôi viết chì, 05 cây bút mực, 01 cây thước (đều qua sử dụng) nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt cặp da trên. Để

thực hiện, T điều khiển xe vượt lên áp sát vào xe của T, rồi kêu Y ngồi phía sau xe giật cặp da trên. Nghe vậy, Y dùng tay phải giật chiếc cặp, T liền tăng ga điều khiển xe mô tô tẩu thoát.

Cùng lúc này, Công an xã Đ đang tuần tra phát hiện liền điều khiển xe truy đuổi, đến khu vực cầu C thuộc ấp P, xã Đ thì bắt được T, M và Y cùng tang vật liên quan. Sau đó, lực lượng mời T, M và Y về trụ sở làm việc, thì cả ba thừa nhận hành vi cướp giật cặp xách của em T. Đồng thời, T, M và Y còn khai nhận trước đó thực hiện hành vi giật cặp xách của các em học sinh 04 lần trên địa bàn xã Đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Trước ngày 28/10/2020 khoảng 01 tháng, Trần điều khiển xe 67E1-287.65 chở M và Huỳnh Tiên Đ đến ấp P, xã Đ, huyện A. Trên đường đi phát hiện em Lê Thị Ngọc M đang điều khiển xe đạp đi học, trên bội xe của Mai để 01 cặp xách, bên trong cặp chứa 03 cuốn sách giáo khoa lớp 8, 03 cuốn tập học sinh, 04 cây viết mực xanh, nên T điều khiển xe áp sát vào xe đạp của M, T kêu Đ ngồi sau xe giật lấy cặp của M, rồi Trần điều khiển xe tẩu thoát về hướng thành phố C. Trên đường tẩu thoát, Đ ném bỏ cặp vừa giật được của M ở lề đường, lúc này em Phan Nguyễn Tuấn K đi học về thấy tập sách của M ở lề đường nên K nhặt về đưa lại cho M.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 07 - 08 ngày, T điều khiển xe 67E1-287.65 chở M và Y chạy hướng Đ – A. Khi đến gần ngã ba vào Trường Trung học cơ sở Đ, T phát hiện em học sinh nữ điều khiển xe đạp để cặp trước bội xe chạy cùng chiều nên T điều khiển xe áp sát vào xe của em học sinh nữ này để Y ngồi phía sau giật lấy cặp, rồi T điều khiển xe tẩu thoát về hướng A. Trên đường đi nghe Y nói trong cặp có 6.000 đồng, T kêu Y giữ 6.000 đồng, còn cặp ném bỏ ở lề đường.

Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng 05 ngày, T điều khiển xe 67E1-287.65 chở M và Y đến ấp P, xã Đ, huyện A. Trên đường đi phát hiện em Phan Nguyễn Tuấn K đang trên đường đi học về, bội trước xe đạp có để 01 cặp xách (bên trong chứa 03 cuốn sách giáo khoa lớp 8, 03 cuốn tập học sinh, 03 cây viết mực xanh và 01 cây thước kẻ), T liền điều khiển xe chạy áp sát vào xe của K để Y giật lấy cặp, nhưng không chiếm đoạt được do dây cặp vướng vào xe của K rơi lại, thì T điều khiển xe tăng tốc bỏ chạy, còn K nhặt cặp xách đạp xe về nhà.

Lần thứ tư: Cách lần thứ ba khoảng 04 - 05 ngày, T điều khiển xe 67E1-287.65 chở M và Y chạy hướng C – A. Khi vào ngã ba Trường Trung học cơ sở Đ phát hiện em học sinh nữ điều khiển xe đạp để cặp trước bội xe chạy cùng chiều, nên T điều khiển xe áp sát vào xe của em học sinh nữ này để Y ngồi phía sau giật lấy cặp, rồi T điều khiển xe tẩu thoát về hướng C. Trên đường đi Y nói trong cặp có 10.000 đồng, T kêu Y giữ 10.000 đồng, còn cặp thì ném bỏ ở lề đường.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 49/KL-ĐGTSTTHS ngày 05/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang xác định: 01 (một) cái cặp da màu nâu kích thước khoảng 30cm x 40cm đã qua sử dụng; 07 (bảy) cuốn tập học sinh, có loại 200 trang và 96 trang; 04 (bốn) cuốn sách lớp 8 đã qua sử dụng; 01 (một) cái ví đựng viết màu đỏ có dòng chữ Arline bằng vải đã qua sử dụng; 01 (một) máy tính bỏ túi hiệu Casio loại fx-570ES Plus

đã qua sử dụng; 01 (một) hộp chì màu gồm 16 cây đã qua sử dụng; 01 (một) cây bút chì, đã qua sử dụng; 02 (hai) cây compa đã qua sử dụng; 01 (một) cây bấm ghim giấy đã qua sử dụng; 01 (một) cục gồm bôi viết chì đã qua sử dụng; 05 (năm) cây bút mực đã qua sử dụng; 01 (một) cây thước đã qua sử dụng là 573.000 đồng.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 04/KL-ĐGTSTTHS ngày 10/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang xác định: 01 (một) cái cặp da kích thước 30cm x 40cm; 03 (ba) cuốn sách giáo khoa lớp 8 đã qua sử dụng; 03 (ba) cuốn tập học sinh đã qua sử dụng; 04 (bốn) cây viết mực xanh là 262.000 đồng.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 09/KL-ĐGTSTTHS ngày 10/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang xác định: 01 (một) cái cặp da kích thước 25cmx40cm; 03 (ba) cuốn sách giáo khoa lớp 8 đã qua sử dụng; 03 (ba) cuốn tập học sinh đã qua sử dụng; 03 (ba) cây viết mực xanh; 01 (một) cây thước kẻ là 264.000 đồng.

Ngày 06/11/2020, Lê Thiện Ngọc T bị khởi tố để điều tra.

Cáo trạng số 23/CT-VKS.AP ngày 04 tháng 5 năm 2021, truy tố bị cáo Lê Thiện Ngọc T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d, điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận như nội dung vụ án. Bị cáo cho rằng xe mô tô biển kiểm soát 67E1 287.65 do bị cáo đứng tên trên giấy đăng ký xe nhưng đứng thay cho ba bị cáo là ông Lê Hữu Đ, khi mua xe, ông Đ mất giấy chứng minh nhân dân nên không đứng tên chủ xe được nên nhờ bị cáo đứng thay. Bị cáo yêu cầu trả lại xe cho ông Đ.

Em Lê Thị Ngọc M trình bày: Khoảng 12 giờ ngày 10/9/2020, em từ nhà thuộc ấp H, xã Đ, huyện A điều khiển xe đạp đến trường trung học cơ sở Đ. Khi đến gần ngã ba vào trường thì có một chiếc xe chạy từ phía sau sát vào xe em rồi giật lấy 01 cặp da để bội trước xe. Trong cặp da có 03 cuốn sách, 03 cuốn tập học sinh, 04 cây viết, sau đó em K nhặt được và trả lại em. Nay, em không yêu cầu gì đối với bị cáo.

Ông Lê Hữu Đ trình bày: Ông là cha ruột của bị cáo T. Xe mô tô biển kiểm soát 67E1 287.65 là do ông bỏ tiền ra mua. Thời điểm mua xe năm 2017, mua xe với số tiền 19.700.000 đồng, do ông mất giấy chứng minh nên để T đứng tên mua xe. Sau đó ông làm lại giấy chứng minh nhưng không sang tên lại cho ông vì ông nghĩ T là con nên không cần phải sang tên. Xe này ông mua nhằm mục đích cho các thành viên trong gia đình mua bán vải. Việc bị cáo T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội ông không biết. Ông yêu cầu nhận lại xe.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thiện Ngọc T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”. Đề nghị áp dụng điểm d, điểm g khoản 2 Điều 171; các điểm b, r, s khoản 1, Điều 51; điểm g, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm

2017) đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lê Thiện Ngọc T từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Thống nhất với bản luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo có hành vi cùng với M, Y, Đ cướp giật tài sản của các bị hại, bị cáo đã khai ra 04 lần phạm tội trước. Ngay từ ban đầu, bị cáo có ý định chiếm đoạt tài sản của các em học sinh, tài sản chiếm đoạt không lớn, bị cáo bị hạn chế về khả năng nhận thức pháp luật. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ tự thú các lần phạm tội trước, thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động với gia đình đã bồi thường cho bị hại theo các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 bộ luật hình sự xử bị cáo 02 năm tù. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 67E1 287.65, việc mua xe này do ông Đ trả tiền, bị cáo đứng tên thay cho ông Đ (cha bị cáo) nên đề nghị Hội đồng xét xử cho nhận lại xe. Đối với điện thoại Oppo của em M thì đề nghị được nhận lại do ông Đ đại diện hợp pháp nhận thay. Điện thoại Vivo của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả cho bị cáo.

Viện kiểm sát có ý kiến đối đáp tranh luận: Không thống nhất với quan điểm của Luật sư, do bị cáo 05 lần thực hiện hành vi phạm tội nên giữ nguyên quan điểm đề nghị 03 năm – 04 năm tù.

Bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo rất hối hận, nhận thấy sai phạm và thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị hại em T, đại diện em T là ông C; em K, đại diện em K là ông H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan em M, em Y, em Đ, đại diện của em Đ bà D và người làm chứng cùng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét tính chất vụ án: Tài sản là vốn quý có được từ quá trình lao động cực nhọc, chính đáng của cá nhân mới có được; hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện tính xem thường pháp luật, muốn có tài sản mà không phải cần phải lao động hợp pháp. Ngoài ra bị cáo chủ mưu, đã chủ động xúi giục 03 em Lê Thiện Ngọc M, Lê Ngọc Như Y, Huỳnh Tiến Đ, cả 03 em này đều dưới 18 tuổi trong đó em M bà em Y là em ruột của bị cáo. Bị cáo đã xúi giục các em này cùng với bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát viên truy tố bị cáo phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng tính chất của vụ án.

Từ những căn cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận bị cáo T đã có hành vi sử dụng xe mô tô 67E1-287.65 đi cướp giật tài sản của các em Nguyễn Lý Mộng T – sinh ngày 06/7/2007, Lê Thị Ngọc M – sinh ngày 30/9/2007, Phan Nguyễn Tuấn K – sinh ngày 24/8/2007 với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 1.099.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*”, tội danh và mức hình phạt được quy định tại điểm d, điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Xét về nhân thân, áp dụng mức hình phạt:

Trong vụ án này, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi phạm tội vai vai trò chủ mưu xúi giục các em Lê Thiện Ngọc M (sinh năm 2007), Lê Ngọc Như Y (sinh năm 2010), Huỳnh Tiến Đ (sinh năm 2008) nên bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần và xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo điểm g, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt do bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, tự thú các lần phạm tội trước. Bị cáo đã tác động đến gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho ông C số tiền 600.000 đồng nên thỏa mãn các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo còn thực hiện hành vi cướp giật cặp xách của 02 em học sinh nữ ở khu vực Trường trung học cơ sở Đ, do chưa xác định được bị hại nên chưa làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A đã thông báo truy tìm bị hại, khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, r, s nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và đề nghị xử phạt bị cáo 02 năm tù. Xét thấy, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo lại có 02 tình tiết tăng nặng điểm g, điểm o Điều 52 Bộ luật hình sự nên không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự theo đề nghị của người bào chữa.

Đối với em Lê Thiện Ngọc M (sinh ngày 24/4/2007), em Lê Ngọc Như Y (sinh ngày 12/8/2010) và em Huỳnh Tiến Đ (sinh ngày 13/8/2008) cùng với bị cáo T thực hiện hành vi cướp giật tài sản là vi phạm pháp luật nhưng tại thời điểm phạm tội M, Y và Đ chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A không khởi tố là có căn cứ nhưng cần giáo dục răn đe các em tại phiên tòa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của em Nguyễn Lý Mộng T là ông Nguyễn Văn C đã nhận lại số tiền 600.000 đồng từ gia đình bị cáo, các bị hại khác không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave màu đen đỏ bạc, biển kiểm soát 67E1-287.65, đã qua sử dụng. Xe này do bị cáo T đứng tên. Bị cáo và ông Đ cho rằng bị cáo đứng tên thay cho ông Đ do ông Đ là cha ruột của bị cáo và thời điểm mua xe vào năm 2017 ông Đ làm mất giấy chứng minh nhân dân nên không đứng tên được nhờ bị cáo đứng tên thay và xe này khi mua do ông trả tiền mua xe. Ông Đ cho rằng khi bị cáo lấy xe thực hiện hành vi phạm tội thì ông không biết và ông yêu cầu nhận lại xe. Xét thấy, bị cáo T đứng tên trên giấy đăng ký xe là hợp pháp. Bị cáo và ông Đ cho rằng bị cáo đứng tên thay ông Đ nhưng không có căn cứ chứng minh. Do bị cáo dùng xe mô tô biển kiểm soát 67E1-287.65 nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ xe mô tô này. Không chấp nhận theo yêu cầu của ông Đ về việc nhận lại xe mô tô.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra thực tế bên trong. Đây là tài sản của em M không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả cho em M do ông Đ đại diện hợp pháp đứng ra nhận.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1920 màu xanh trắng ngọc, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra thực tế bên trong. Đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo

- 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, loại nón sơn, không có mũ nón, đã qua sử dụng;

- 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ viền trắng, có chữ Itel màu trắng bên hông nón, đã qua sử dụng;

Đây là vật chứng thu giữ trong vụ án của bị cáo và em M. Do bị cáo và em M không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Hình phạt bổ sung : Lẽ ra, bị cáo còn có thể bị phạt tiền nhưng xét bị cáo hiện đang có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, điểm g khoản 2 Điều 171; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017);

Các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Các Điều 106, Điều 136; Điều 260; Điều 328; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thiện Ngọc T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thiện Ngọc T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 28/10/2020.

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, loại nón sơn, không có mũ nón, đã qua sử dụng;

- 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ viền trắng, có chữ Itel màu trắng bên hông nón, đã qua sử dụng;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave màu đen đỏ bạc, biển kiểm soát 67E1-287.65, đã qua sử dụng.

- Trả cho em Lê Ngọc Thiện M 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 màu đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra thực tế bên trong. Ông Lê Hữu Đ là đại diện hợp pháp của em M nhận thay.

- Trả cho bị cáo Lê Thiện Ngọc T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1920 màu xanh trắng ngọc, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra thực tế bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A ngày 04/5/2021)

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thiện Ngọc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2020), bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng, thời hạn kháng cáo của người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Nhà tạm giữ;
- H/s N.Vụ CA
- Bị cáo;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc